

Số: 1399 /QĐ-CVHHTH

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BGTVT ngày 31/10/2016 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải;

Trên cơ sở Kế hoạch số 369/KH-CVHHTH ngày 04/04/2019 của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa về việc chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo xây dựng và áp dụng Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các phòng, Đại diện, Trạm, Ban chỉ đạo xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 của Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục HHVN (để báo cáo);
- Lưu: VT, Thư ký ISO.



Đặng Văn Ba

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

**CÔNG BỐ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TẠI CẢNG VỤ HÀNG HẢI
THANH HÓA PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-CVHHTH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa)

Bản công bố này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 12 năm 2020



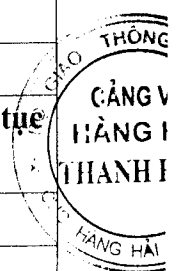
Đặng Văn Ba



Phụ lục

VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1999/QĐ-CVHHTH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa)

STT	TÊN TÀI LIỆU
I	Tài liệu, Quy trình liên quan đến hoạt động nội bộ
	Sổ tay chất lượng
	Chính sách chất lượng
	Mục tiêu chất lượng
	Mô tả vị trí công việc của các bộ phận
1.	Quy trình Kiểm soát thông tin dạng văn bản
2.	Quy trình Quản lý rủi ro và cơ hội
3.	Quy trình Đánh giá chất lượng nội bộ
4.	Quy trình Kiểm soát sự không phù hợp và hành động không khắc phục
5.	Quy trình Quản lý văn bản đi, đến
6.	Quy trình Mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản cơ quan.
7.	Quy trình Tiếp công dân
8.	Quy trình Quản lý nhân sự nội bộ
9.	Quy trình Trả lương cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động
10.	Quy trình Thanh quyết toán tài chính
11.	Quy trình Thu , nộp Phí, Lệ phí hàng hải
II	Quy trình liên quan đến hoạt động quản lý chuyên ngành và giải quyết thủ tục hành chính
12.	Quy trình Thanh tra chuyên ngành hàng hải
13.	Quy trình Điều tra tai nạn hàng hải
14.	Quy trình Điều tra tai nạn lao động hàng hải
15.	Quy trình Kiểm tra tàu thuyền Việt Nam
16.	Quy trình Phòng chống thiên tai
17.	Quy trình Phối hợp tìm kiếm cứu nạn
18.	Quy trình Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải
19.	Quy trình Phê duyệt Phương án trục vớt tài sản chìm đắm
20.	Quy trình Thẩm định - Phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển
21.	Quy trình thực hiện Quyết định bắt giữ tàu biển/Thả tàu biển đang bị bắt giữ
22.	Quy trình Tạm giữ/Chấm dứt việc tạm giữ tàu biển
23.	Quy trình Công bố thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải
24.	Quy trình Cấp phép cho tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy



	thử
25.	Quy trình Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông
26.	Quy trình Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải
27.	Quy trình Chấp thuận tiến hành các hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải (gồm các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước, tàu thuyền thi công công trình hàng hải, tàu thuyền chuyên dùng để nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cẩu nổi và các thiết bị công trình khác))
28.	Quy trình Đăng ký cấp Sổ thuyền viên
29.	Quy trình Cấp lại sổ thuyền viên
30.	Quy trình Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải
31.	Quy trình Chấp thuận cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển
32.	Quy trình Chấp thuận cho phép thực hiện sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền hoặc thực hiện các hoạt động hàng hải khác trong vùng nước cảng biển nếu có thể ảnh hưởng đến phương án phòng, chống cháy, nổ
33.	Quy trình Thủ tục tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài nhập cảnh
34.	Quy trình Thủ tục tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài xuất cảnh
35.	Quy trình Thủ tục tàu biển quá cảnh
36.	Quy trình Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài vào cảng và tàu biển nước ngoài đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam
37.	Quy trình Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài
38.	Quy trình Tàu biển hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, dàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và phương tiện thủy khác không quy định tại khoản 2,3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP) và tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam mà không chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc không có hành khách, thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài
39.	Quy trình Tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó rời cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, dàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và phương tiện thủy khác không quy định tại khoản 2,3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP)

40.	Quy trình Thủ tục cho phương tiện thủy nội địa vào cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB)
41.	Quy trình Thủ tục cho phương tiện thủy nội địa rời cảng biển (trừ phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB)
42.	Quy trình Tàu biển nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam
43.	Quy trình Tàu biển xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi
44.	Quy trình Tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam
45.	Quy trình Tàu biển rời cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam

